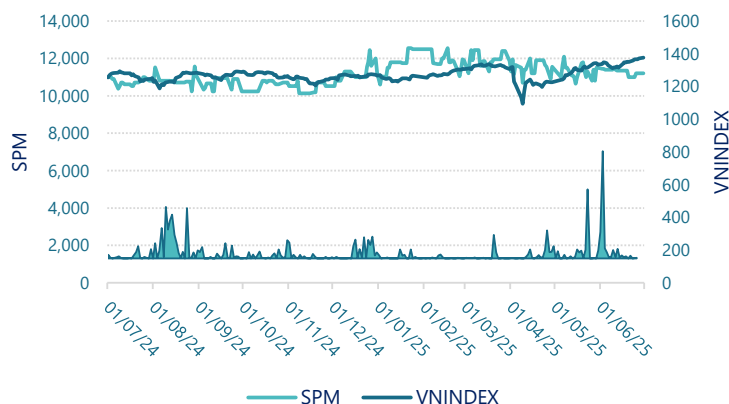


CTCP S.P.M (HSX: SPM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,131
SL cổ phiếu LH	13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	545
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	10.6
EPS	1,061

DT thuần

Q2/25

65.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.9| -20.4%

YoY: ▼6.50| -9.0%

LN sau thuế

Q2/25

0.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.08| -97.9%

YoY: ▲ 6.42| 101%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.7%

+/- YoY: ▲ 8.2%

DT thuần

6T 2025

148

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -1.8%

LN sau thuế

6T 2025

3.21

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.30| 163%

ROE

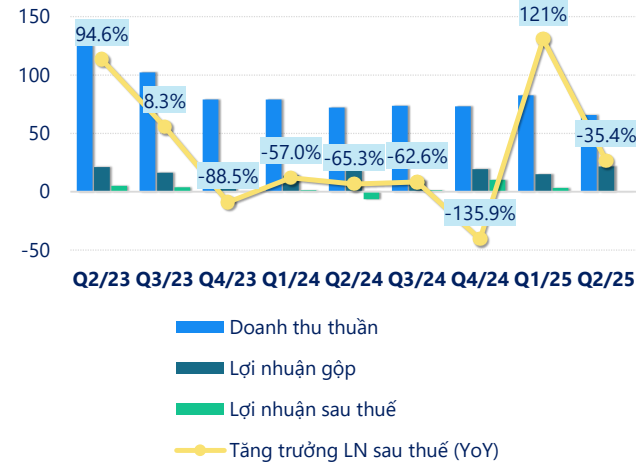
Q2/25

1.8%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

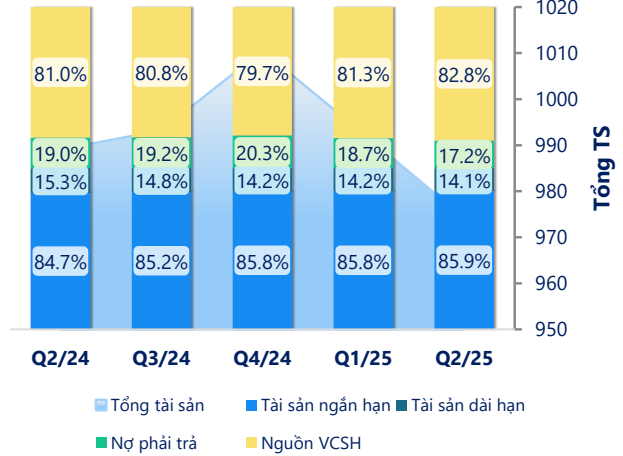
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

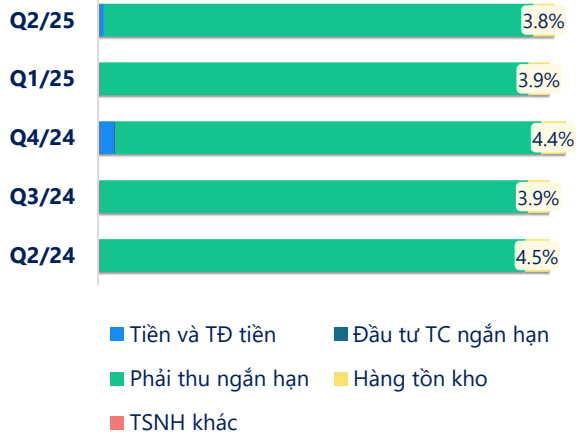
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



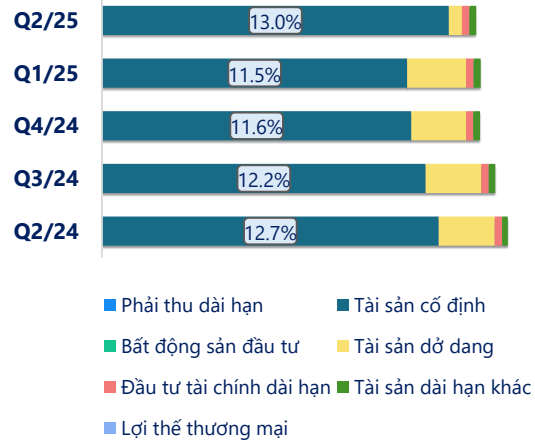
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

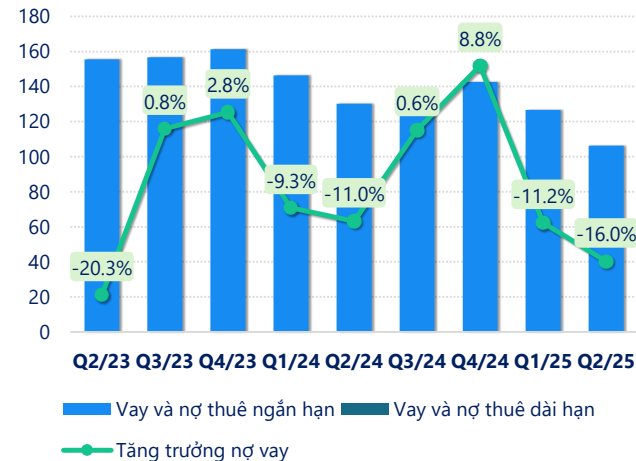
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

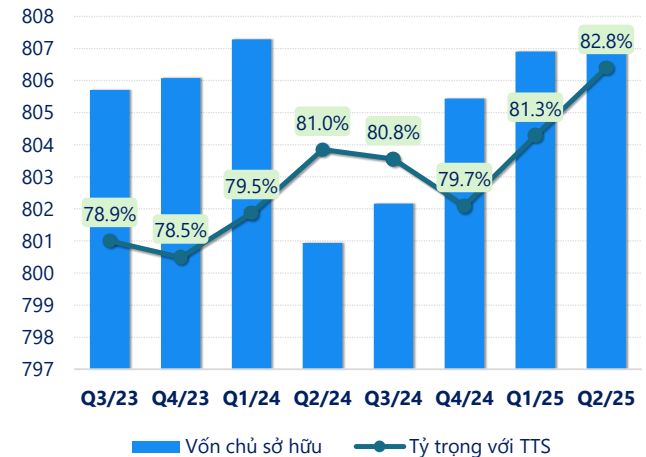
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

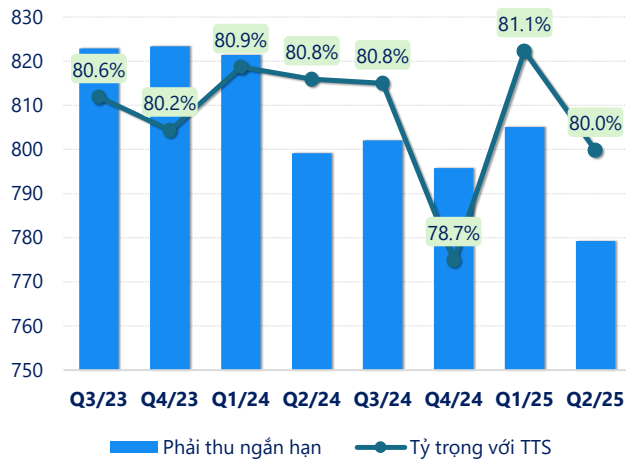
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



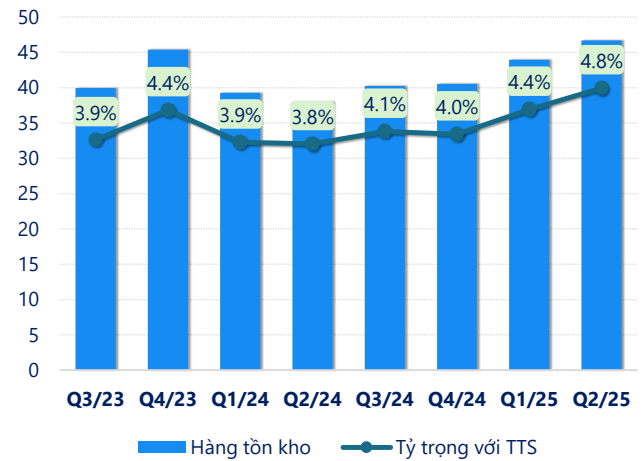
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


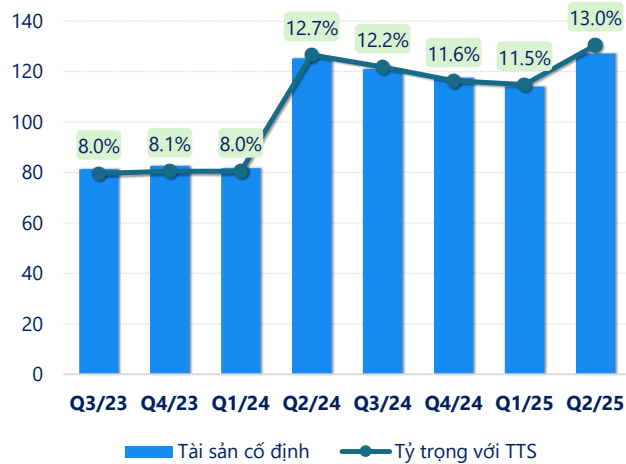
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


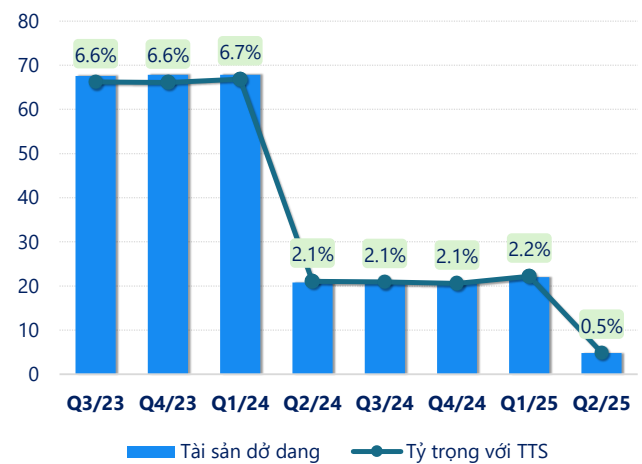
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

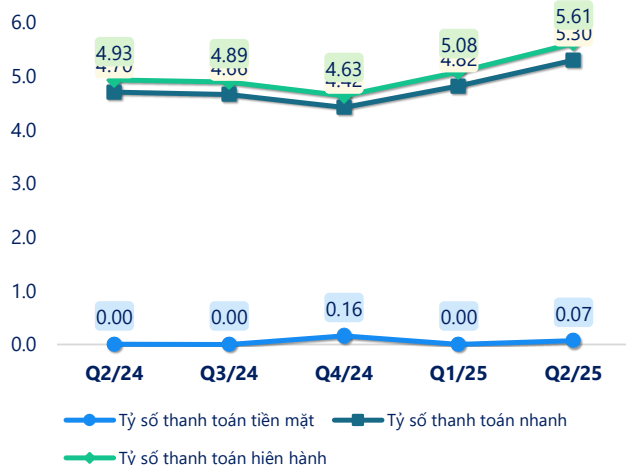
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

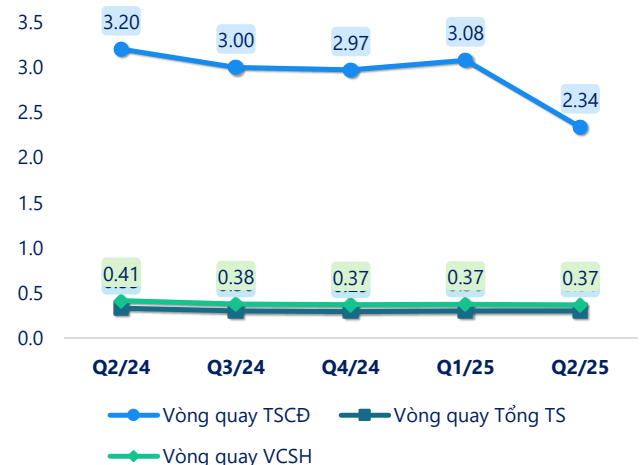
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	989	993	1,011	993	974
Tài sản ngắn hạn	838	846	867	851	837
Tiền và tương đương tiền	0.55	0.41	30.1	0.38	10.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	799	802	796	805	779
Hàng tồn kho	38.0	40.3	40.5	43.9	46.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.42	3.55	0.47	1.68	0.65
Tài sản dài hạn	151	147	144	141	137
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	125	121	118	114	127
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.8	20.8	20.8	22.0	4.79
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	2.75	2.75	2.75
Tài sản dài hạn khác	2.12	2.48	2.59	2.69	2.46
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	188	191	205	186	167
Nợ ngắn hạn	170	173	187	168	149
Vay và nợ thuê ngắn hạn	130	131	143	127	106
Phải trả người bán ngắn hạn	22.6	22.6	25.9	23.2	23.1
Nợ dài hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	801	802	805	807	807
Vốn chủ sở hữu	801	802	805	807	807
Vốn điều lệ	140	140	140	140	140
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)